

Số: 564 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau”

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án “Xây dựng đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau” của Ban quản lý các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau tại Văn bản số 69/ODA ngày 05 tháng 3 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau” (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Phú Tân và huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ban Quản lý các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau;
- UBND tỉnh Cà Mau;
- Sở TN&MT tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, VPMC, MT. HSM.



CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

“Xây dựng đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau.

- Địa điểm thực hiện dự án: huyện Phú Tân và huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Chủ đầu tư: Ban quản lý các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Chủ đầu tư: Ông Nguyễn Văn Sol; Chức vụ: Giám đốc.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Dự án có tổng diện tích sử dụng đất, đất mặt nước là 146,86 ha, bao gồm: (i) Tuyến kè trên diện tích mặt nước ven biển có diện tích là 2,86 ha thuộc địa phận huyện Phú Tân và huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; và (ii) Tuyến đê biển Tây có diện tích 144 ha (gồm 107 ha đất rừng trồng do nhà nước quản lý (40,5 ha đất có rừng và 66,5 ha đất mặt nước) và 37 ha đất nuôi trồng thủy sản đã giao cho người dân) thuộc địa phận huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Dự án thực hiện theo Quyết định số 1135/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về điều chỉnh chủ trương đầu tư, bao gồm các hạng mục chính: (i) Xây dựng 11 km kè giảm sóng, chống xói lở bờ biển, gây bồi, tạo bãi nhằm bảo vệ, khôi phục và phát triển đai rừng phòng hộ ven biển để bảo vệ tuyến đê biển Tây và các khu dân cư ven biển thuộc 2 huyện Trần Văn Thời và Phú Tân; (ii) Xây dựng 19 km tuyến đê biển Tây bảo vệ cho 15.000 ha đất huyện Phú Tân kết hợp làm đường giao thông từ thị trấn Cái Đôi Vàm đến Kênh Năm, xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân.

- Vị trí Dự án:

+ Phạm vi hạng mục đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh Năm được giới hạn bởi các điểm sau:

TT	Điểm tọa độ	Tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 104°30' múi chiếu 3°		Chiều dài (m)
		X (m)	Y (m)	
1	Điểm đầu	979028,539	533219,470	19.000
2	Điểm cuối	975429,201	545502,333	

+ Phạm vi hạng mục các đoạn kè giảm sóng được giới hạn bởi các điểm sau:

TT	Tên đoạn tuyến	Điểm đầu tuyến Tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 104°30' múi chiếu 3°		Điểm cuối tuyến Tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 104°30' múi chiếu 3°		Chiều dài (m)
		X	Y	X	Y	
1	Kè bờ Nam Sông Đốc	996859,62	533044,56	998583,44	533733,88	2.000
2	Kè cửa sông Mỹ Bình	991781,92	533252,63	993693,36	533250,38	2.000
3	Kè cửa sông Công Nghiệp	983613,38	532403,36	984599,47	532569,58	1.000
4	Kè cửa sông Sào Lưới	971343,70	532491,04	973759,31	530806,23	3.000
5	Kè cửa sông Gò Công	970307,12	535874,85	970860,85	532933,32	3.000
	Cộng					11.000

1.3. Công nghệ sản xuất

Công trình đầu tư xây dựng của Dự án là công trình đê điều trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nên trong quá trình vận hành chủ yếu là duy tu, bảo dưỡng tuyến kè và tuyến đê nên gần như không phát sinh chất thải.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Hạng mục công trình xây dựng của dự án

- Xây dựng tuyến đê biển Tây với tổng chiều dài là 19 km với các thông số kỹ thuật chính sau: chiều rộng mặt đê $B_m = 7,5$ m; hệ số mái đê phía biển 3/1; hệ số mái đê phía đồng 3/1; cao trình mặt đê +3 m; chiều rộng mặt đê được cứng hoá bằng đá cấp phối rộng 5,5 m; kết cấu mặt đê được cứng hóa làm đường giao thông (mặt đường cứng hoá bằng cấp phối đá dăm loại I dày 20 cm, $K = 0,98$; móng cát đen, đầm nện $K = 0,95$).

- Xây dựng 11 km kè giảm sóng chống sạt lở bờ biển, tạo bãi bồi trồng rừng ngập mặn (bao gồm 05 đoạn); kết cấu kè ly tâm. Thông số kỹ thuật tuyến kè như sau: chiều rộng mặt kè 2,6m; cao trình đỉnh kè +2m; kích thước cọc tròn bê tông cốt thép ly tâm $D = 300$ mm, chiều dài cọc $L = 8 - 9$ m.

1.4.2. Hạng mục phi công trình của dự án

- Trồng mới khoảng 100 ha rừng ngập mặn trên phần đất được bồi tụ nằm phía trong tuyến kè giảm sóng, chống sạt lở bờ biển.

- Hỗ trợ chuyển đổi sinh kế cho cộng đồng dân cư ở 5 xã ven biển huyện Phú Tân, nhằm đa dạng hóa các hoạt động sinh kế, nâng cao thu nhập cho cộng đồng; giảm sự phụ thuộc vào hoạt động khai thác thủy sản ở vùng biển ven bờ; góp phần bảo vệ và khôi phục hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển, bảo vệ và

phục hồi nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường, hướng đến nghề khai thác thủy sản ven bờ bền vững.

- Hỗ trợ bình đẳng giới thông qua việc hỗ trợ phụ nữ tiếp cận với các hoạt động sinh kế đa dạng hóa nguồn thu nhập; hỗ trợ các tổ/nhóm phụ nữ tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu, kỹ thuật sản xuất thủy sản phù hợp, tiếp cận với quỹ tín dụng nhỏ để tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong phát triển kinh tế của nông hộ trong vùng Dự án; hỗ trợ kỹ thuật xây dựng chiến lược quản lý bảo vệ bền vững (ICZM) vùng ven biển tỉnh Cà Mau và thực hiện kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.4.3. Các công trình phụ trợ, bảo vệ môi trường

Đây là dự án công trình thủy lợi xây dựng đê biển và kè giảm sóng bảo vệ bờ nên các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường thực hiện trong giai đoạn thi công gồm:

- Tại 10 khu lán trại, ban chỉ huy công trường (5 điểm thi công đê và 5 điểm thi công kè): lắp đặt 10 nhà vệ sinh di động loại 2 buồng; bố trí 10 thùng rác tập trung loại 240 lít; 20 thùng rác loại 50 lít; 10 thùng chứa chất thải nguy hại dạng lỏng loại 50 lít và 10 thùng chứa chất thải nguy hại dạng rắn loại 50 lít.

- Tại 5 sà lan thi công kè ngoài ven biển (5 vị trí thi công x 1 sà lan/vị trí): thuê lắp đặt 5 nhà vệ sinh di động loại 1 buồng; 5 thùng rác loại 50 lít; 5 thùng chứa chất thải nguy hại dạng lỏng loại 50 lít; 5 thùng chứa chất thải nguy hại dạng rắn loại 50 lít và 15 đoạn (mỗi sà lan 3 đoạn) phao quây thăm dầu loại 20 m.

1.4.4. Các hạng mục công trình không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường của dự án

Các hoạt động phi công trình không nằm trong phạm vi đánh giá tác động môi trường.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định 08/2022/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường theo giai đoạn của dự án đầu tư

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động xây dựng tuyến đê biển và các đoạn kè bảo vệ bờ phát sinh tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, ảnh hưởng đến hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, cảnh quan, hệ sinh thái, môi trường khu vực Dự án.

- Giai đoạn vận hành: Các hoạt động trong giai đoạn vận hành chủ yếu là

duy tu, bảo dưỡng tuyến đê, tuyến kè nên không phát sinh hoặc phát sinh lượng chất thải không đáng kể và được xử lý cùng với các công trình, biện pháp xử lý của đơn vị tiếp nhận quản lý vận hành của Dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Trong giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt của 10 mũi thi công (5 mũi thi công tuyến đê biển và 5 mũi thi công tuyến kè) với 5 công nhân thi công/mũi, mỗi mũi thi công phát sinh khoảng 225 lít/ngày.đêm; thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, tổng Nitơ, tổng Photpho, Coliforms.

+ Nước mưa chảy tràn quanh khu vực công trường; thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng (SS).

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động vận hành sà lan (nước rò rỉ và vệ sinh sà lan) với khối lượng khoảng 2 m³/sà lan/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng: SS, váng dầu mỡ.

- Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh nước thải hoặc phát sinh với lượng không đáng kể trong giai đoạn duy tu, sửa chữa tuyến đê, kè của Dự án.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Trong giai đoạn thi công: Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị thi công trên công trường; thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, CO, SO₂, NO₂.

- Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh bụi, khí thải hoặc phát sinh không đáng kể trong quá trình duy tu, sửa chữa tuyến đê, kè của Dự án.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Trong giai đoạn thi công:

+ Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 40 kg/ngày/công trình; thành phần chủ yếu: bao bì, túi giấy, dụng cụ ăn uống.

+ Chất thải rắn xây dựng: gồm có chất thải rắn (cát, đá) do rơi vãi trong quá trình thi công với khoảng 197 m³ đối với hạng mục đê và 30,3m³ đối với hạng mục kè; vỏ bao bì xi măng với khoảng 21.023 bao bì (hạng mục kè).

- Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh hoặc phát sinh không đáng kể chất thải rắn thông thường trong quá trình duy tu, bảo dưỡng đê, kè của Dự án.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Trong giai đoạn thi công: Chất thải nguy hại dạng lỏng (dầu mỡ thải, dầu nhiên liệu thải) phát sinh khoảng 35 lít dầu thải/tháng và 30 kg chất thải nguy hại khác/tháng (giẻ dính dầu, bao bì, thùng chứa dầu mỡ thải; pin, ác quy, đèn huỳnh quang,...).

- Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh hoặc phát sinh không đáng kể chất thải nguy hại trong quá trình duy tu, bảo dưỡng đê, kè của Dự án.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Trong giai đoạn thi công: Tiếng ồn, độ rung từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh hoặc phát sinh tiếng ồn, độ rung không đáng kể, cục bộ trong quá trình duy tu, bảo dưỡng tuyến đê, kè của Dự án.

3.4. Các tác động khác

- Trong giai đoạn thi công:

+ Tác động đến môi trường nước tại các điểm thi công: có dạng điểm, mức độ nhỏ trong phạm vi khoảng 50 - 100 m, không thường xuyên và không kéo dài, các nguồn gây tác động gồm nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải thi công từ các phương tiện thi công, nước mưa chảy tràn.

+ Tác động đến hoạt động nuôi trồng thủy sản: Quá trình thi công tuyến đê có thể gây gián đoạn hoạt động sản xuất, canh tác của người dân khi tuyến đê đi qua, có nguy cơ làm chuyển hóa đất phèn từ tiềm tàng sang hoạt động do hoạt động đào đắp tuyến đê, ảnh hưởng đến các công trình sản xuất của người dân như cống lấy nước vào ruộng tôm, bờ bao ruộng tôm.

+ Tác động đến giao thông thủy do gia tăng phương tiện vận chuyển vật liệu phục vụ cho quá trình thi công.

+ Tác động đến hệ sinh thái rừng và hệ sinh thái thủy sinh khu vực Dự án do hoạt động chiếm dụng một phần diện tích đất rừng trồng và đất mặt nước để thực hiện xây dựng tuyến đê, kè của Dự án.

- Trong giai đoạn vận hành: Việc hình thành tuyến kè bờ chắn sóng có khả năng tác động đến xói lở, bồi lắng, thay đổi dòng chảy khu vực bên trong và lân cận tuyến kè.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Trong giai đoạn thi công:

+ Tại 10 khu lán trại, ban chỉ huy công trường (5 điểm thi công đê và 5 điểm thi công kè): Lắp đặt 10 nhà vệ sinh di động loại 2 buồng có kích thước: 260 cm x 180 cm x 135 cm nguyên khối đồng bộ có bể chứa chất thải 1.500 lít và bồn nước dự trữ 1.050 lít. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động của sà lan và các phương tiện đường thủy phục vụ hoạt động thi công Dự án được thực hiện thu gom và xử lý đạt quy chuẩn sửa đổi lần 2:2016 QCVN 17:2011/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy nội địa và QCVN 100:2018/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống xử lý nước thải trên tàu, không được phép thải xuống lưu vực.

+ Tổ chức thi công theo giải pháp khoanh vùng từ đoạn, làm bờ bao xung quanh khu vực tổ chức thi công qua đó giảm tối đa được các tác động do hoạt động đào đắp đất, nước mưa rửa trôi không bị phát tán ra môi trường bên ngoài phạm vi khu vực thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Không có hoặc được xử lý theo công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của đơn vị quản lý vận hành tuyến đê, kè của Dự án.

4.1.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Trong giai đoạn thi công:

+ Tại tất cả các bãi vật liệu phục vụ thi công các công trình đều phải được che chắn giảm thấp nhất nguy cơ phát tán bụi ra môi trường bên ngoài. Vào mùa khô các đơn vị thi công phải tổ chức phun nước làm ẩm tại các khu vực có nguy cơ phát sinh bụi trong công trường xây dựng, tần suất tối thiểu 2 lần/ngày tại khu vực đang thi công.

+ Các phương tiện, máy móc thi công cơ giới trên công trường, tàu thuyền chuyên chở vật liệu thi công phải đạt tiêu chuẩn về mức độ an toàn kỹ thuật và đáp ứng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông.

+ Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công đều phải được phủ bạt kín để kiểm soát nguy cơ phát tán bụi trong quá trình di chuyển. Trong trường hợp vật liệu rơi vãi, Chủ dự án và đơn vị thi công có trách nhiệm thu dọn vật liệu rơi vãi và nhanh chóng khắc phục tình trạng ô nhiễm gây ra.

- Trong giai đoạn vận hành: Không có hoặc được xử lý theo công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của đơn vị quản lý vận hành tuyến đê, kè của Dự án.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Trong giai đoạn thi công:

+ Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng sẽ được thu gom bởi thùng chứa rác loại 50-60 lít, thuê các đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định.

+ Tại 10 khu lán trại, ban chỉ huy công trường (5 điểm thi công đê và 5 điểm thi công kè): bố trí 10 thùng rác tập trung loại 240 lít; 20 thùng rác loại 50 lít. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Tại 5 sà lan thi công kè ngoài ven biển (5 vị trí thi công x 1 sà lan/vị trí): bố trí 5 thùng rác loại 50 lít. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Trong giai đoạn vận hành: Không có hoặc được xử lý theo công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của đơn vị quản lý vận hành tuyến đê, kè của Dự án.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trong giai đoạn thi công:

+ Chất thải nguy hại được phân thành từng loại riêng, không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường.

+ Tại 10 khu vực lán trại, ban chỉ huy công trường (5 điểm thi công đê và 5 điểm thi công kè): bố trí 10 thùng chứa chất thải nguy hại dạng lỏng loại 50 lít và 10 thùng chứa chất thải nguy hại dạng rắn loại 50 lít.

+ Tại 5 sà lan thi công tuyến kè bảo vệ bờ theo 5 mũi bố trí 5 thùng chứa chất thải nguy hại dạng lỏng loại 50 lít và 5 thùng chứa chất thải nguy hại dạng rắn loại 50 lít; 15 đoạn (mỗi sà lan 3 đoạn) phao quây thăm dầu loại 20m.

+ Các thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn và có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường.

+ Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh được Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Trong giai đoạn vận hành: Không có hoặc được xử lý theo công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của đơn vị quản lý vận hành tuyến đê, kè của Dự án.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trong giai đoạn thi công:

+ Tất cả các máy móc sử dụng cho thi công đều phải được kiểm định an toàn về kỹ thuật đặc biệt có các ống giảm ồn theo đúng quy định.

+ Việc vận hành các máy đóng cọc, các máy ép cọc chỉ được thực hiện trong thời gian ban ngày, không được vận hành vào các ngày nghỉ, giờ nghỉ (18h tối hôm trước tới 6h sáng hôm sau) của người dân.

+ Phương tiện vận chuyển không chở vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết; lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc, phương tiện thi công có tiếng ồn, độ rung cao.

- Trong giai đoạn vận hành: Không có hoặc được xử lý theo công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của đơn vị quản lý vận hành tuyến đê, kè của Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường: Không có.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học do chiếm dụng đất rừng:

Chủ dự án có trách nhiệm nộp tiền để thực hiện trồng rừng thay thế theo quy định tại Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

4.4.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phòng ngừa sự cố bom mìn tồn dư: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để rà phá bom mìn trước khi thi công;

- Phòng ngừa sự cố cháy nổ: Bố trí phương tiện phòng cháy trong các công trình xây dựng.

- Phòng ngừa sự cố sụt lún công trình: Tiếp tục thăm dò địa chất trước khi triển khai thi công; xử lý đất yếu; quan trắc lún để kịp thời phát hiện và xử lý trường hợp sụt lún (nếu xảy ra).

- Trong trường hợp xuất hiện sự cố chìm tàu các đơn vị vận chuyển chủ động khắc phục đồng thời thông tin và phối hợp với chính quyền địa phương để phối hợp xử lý giảm thiểu thiệt hại về tài sản và con người, kiểm soát nguy cơ cũng như khống chế triệt để dầu máy tràn ra môi trường.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác

- Giảm thiểu tác động đến giao thông thủy: Lắp đặt phao báo hiệu để chỉ dẫn và/hoặc bố trí nhân lực chỉ dẫn cho các phương tiện lưu thông thủy an toàn khi đi qua khu vực thi công của Dự án; các phương tiện vận chuyển vật liệu phục vụ thi công phải tuân thủ các quy định về giao thông đường thủy nội địa; không chuyên chở và vận hành quá tải trọng, tốc độ cho phép; trang bị các thiết bị an toàn, bao gồm các thiết bị an toàn như còi báo, đèn chiếu sáng, phao cứu sinh. Bố trí các biển báo cảnh báo tại các vị trí dễ quan sát, đèn chiếu sáng ban đêm tại công trình thi công của Dự án.

- Chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng ban hành nội quy bảo vệ môi trường, nghiêm cấm các hành vi săn bắt động vật hoang dã; nghiêm cấm xả rác, nước thải không xử lý đạt yêu cầu xuống kênh rạch.

- Hoàn nguyên môi trường, thanh thải lòng kênh rạch, hoàn trả đất sử dụng tạm ngay sau khi kết thúc thi công đáp ứng yêu cầu để bàn giao lại cho địa phương để tiếp tục quản lý và sử dụng.

- Có giải pháp tạo các đường dẫn nước và tiêu nước cho các hộ dân nuôi trồng thủy sản bị ảnh hưởng bởi hoạt động thi công xây dựng và vận hành của Dự án.

- Giảm thiểu tác động do rửa trôi phèn tại các khu vực đất nhiễm phèn: Bố trí tập trung thi công đào đắp vào mùa khô, hạn chế thi công mùa mưa giảm nguy cơ rửa phèn trong đất. Tại các khu vực thi công đất bị nhiễm phèn ($\text{pH} < 3,5$) tiến hành bổ sung vôi bột vào bề mặt đất với liều lượng $0,1 \text{ kg/m}^2$ để nâng pH đất > 5 . Tổ chức khoanh vùng từng khu vực thi công để kiểm soát nước mưa rửa trôi trong công trình ra bên ngoài. Tổ chức rải vôi bột dọc các tuyến bờ bao quanh công trình để giảm mức độ ảnh hưởng do hoạt động rửa trôi của phèn khi gặp mưa (nếu có) ra nguồn nước xung quanh.

- Đảm bảo việc lưu thông và thoát nước phía bên trong và bên ngoài tuyến kè, đề nhằm đảm bảo việc cấp nước cho hoạt động nuôi trồng thủy sản khu vực và không ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Giám sát nước mặt:

- Tần suất: 3 tháng/lần trong suốt thời gian thi công.

- Vị trí giám sát:

- + Tuyến đê biển Tây tại 3 vị trí: Nước kênh Còi 5 tại đầu tuyến đê ($X=979375.452$; $Y=532030.397$); nước sông Sào Lưới đoạn giữa tuyến đê ($X=973502.729$; $Y=531967.781$); nước kênh Năm đoạn cuối tuyến đê ($X=974685.490$; $Y=543949.408$);

- + Tuyến kè tại 2 vị trí: Nước biển ven bờ tại đoạn kè bờ Nam sông Đốc ($X=997674.604$; $Y=532749.715$), nước biển ven bờ tại đoạn kè cửa sông Gò Công ($X=970176.168$; $Y=535414.797$).

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, BOD₅, TOC, dầu mỡ khoáng, tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt - Bảng 2 Cột B (với khu vực dọc tuyến đê) và QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển - Bảng 1,2 (với khu vực tuyến kè ven biển).

5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

Giám sát bồi lắng, xói lở theo chương trình kiểm tra, giám sát của đơn vị quản lý vận hành công trình của Dự án đảm bảo đúng quy định pháp luật.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án; có biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện Dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về lâm nghiệp; thủy lợi, bảo vệ nguồn nước, xả nước thải vào nguồn nước; xây dựng; đất đai; khoáng sản; bảo tồn đa dạng sinh học; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Có phương án tận thu lâm sản khi chuyển đổi mục đích sử dụng rừng theo đúng quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

- Kiểm tra, rà soát toàn bộ Dự án đảm bảo thống nhất về số liệu, vị trí giữa hồ sơ và thực địa về hiện trạng rừng, loại rừng; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về độ chính xác, tin cậy của toàn bộ dữ liệu, số liệu tính toán, đo đạc, các mốc toạ độ của Dự án, kiểm kê đối với các loại đất, cây rừng thuộc diện đền bù giải phóng mặt bằng và các tác động đối với hệ sinh thái và đa dạng sinh học khu vực Dự án và lân cận. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý tổ chức thi công phù hợp, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến cảnh quan, không làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, giao thông và ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, chất lượng nước sông, hệ thủy sinh, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá địa chất thủy văn, địa chất công trình, đa dạng sinh học, hệ sinh thái rừng, mức độ sụt lún, sạt lở và bồi lắng, bảo đảm tính khoa học và thực tiễn để thiết kế các công trình bền vững và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Thực hiện rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai các hoạt động thi công xây dựng.

- Việc thu hồi tài nguyên, khoáng sản của Dự án phải thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thiết kế cơ sở phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường, úng ngập, sạt lở khu vực xung quanh Dự án và lân cận trong quá trình triển khai Dự án; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc cải tạo kênh mương, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản của người dân khu vực Dự án.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng và đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công xây dựng Dự án.

- Xây dựng đúng địa điểm, diện tích, hướng tuyến, độ sâu, chuẩn tắc thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu độ đục, bụi, tiếng ồn, rung. Đảm bảo chất lượng nước mặt, chống sạt lở trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Phối hợp với chính quyền địa phương phục hồi cảnh quan môi trường khu vực tạm chiếm dụng trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố; tuân thủ các quy định về an toàn giao thông đường bộ, an toàn giao thông đường thủy, quản lý đường thủy nội địa; theo dõi liên tục, kiểm tra phát hiện sự cố, các hiện tượng sạt lở tại khu vực Dự án quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết bồi thường, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố rủi ro, tai biến địa chất, sạt lở, bồi lắng do quá trình thực hiện Dự án gây ra. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các tàu thuyền, sà lan tham gia thi công phải tuân thủ quy định sửa đổi lần 2:2016 QCVN 17:2011/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy nội địa và QCVN 26:2018/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.



